

ĐỀ KIỂM TRA MÔN SINH HỌC, HỌC KÌ I, LỚP 9

Đề số 1

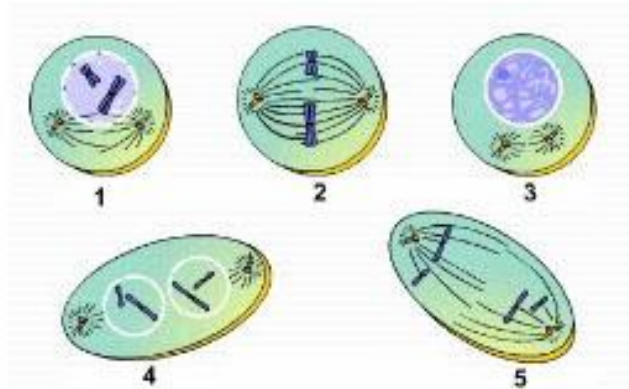
A. MA TRẬN (BẢNG 2 CHIỀU)

Các chủ đề	Các mức độ nhận thức						T?ng
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chương I				Câu 3 2,0	Câu 2.1 Câu 2.3 0,5		3 câu 2,5
Chương II	Câu 2,2 Câu 2.4 0,5		Câu 1 Câu 2. 5 Câu 2.6 1,75				5 câu 2,25
Chương III	Câu 2.8 Câu 2.9 0,5		Câu 2.7 0,25			Câu 5 2,0	4 câu 2,75
Chương IV	Câu 2.10 0,25	Câu 4 2,0	Câu 2.11 0,25				3 câu 2,5
Tổng	5 câu 1,25	1 câu 2,0	5 câu 2,25	1 câu 2,0	2 câu 0,5	1 câu 2,0	10,0

B. NỘI DUNG ĐỀ

I. Trắc nghiệm khách quan (4 điểm)

Câu 1. Hãy quan sát hình các kì ở chu kì tế bào và ghép các thông tin ở cột B sao cho phù hợp với các số ở cột A



Hình sơ đồ các kì của chu kì tế bào

Các số (A)	Các kì của chu kì tế bào
1	a. Kì trung gian.
2	b. Kì đầu.
3	c. Kì giữa.
4	d. Kì sau.
5	e. Kì cuối.

Câu 2. Hãy khoanh tròn vào chỉ một chữ cái (A, B, C, D) đứng trước phương án trả lời mà em cho là đúng:

1. Màu lông gà do 1 gen quy định. Khi lai gà trống trắng với gà mái đen đều thuần chủng thu được F1 đều có lông màu xanh da trời. Tiếp tục cho gà F1 giao phối với gà lông đen thì cho ra kết quả về KH ở thế hệ sau như thế nào?

A. 1 lông đen : 1 lông xanh da trời.

B. 1 lông xanh da trời : 1 lông trắng

C. 1 lông đen : 1 lông trắng

D. Toàn lông đen .

2. Trong phân bào lần II của giảm phân, NST kép xếp thành một hàng ở mặt phẳng xích đạo của thoi phân bào ở:

A. kì đầu.

B. kì giữa.

C. kì sau.

D. kì cuối.

3. Ở cà chua gen A quy định thân đỏ thẫm, gen a quy định thân xanh lục. Kết quả của một phép như sau:

P: thân đỏ thẫm x thân đỏ thẫm (F1: 74,9% thân đỏ thẫm : 25,1% thân xanh lục.

Kiểu gen của P trong công thức lai trên như thế nào?

A. P: AA x AA

B. P: AA x Aa

C. P: Aa x aa

D. P: Aa x Aa

4. Trong phân bào lần I của giảm phân, các cặp NST kép tương đồng phân li độc lập với nhau về 2 cực của tế bào ở kì nào?

A. Kì đầu.

B. Kì giữa.

C. Kì sau.

D. Kì cuối.

5. Sự hình thành giới tính ở cá thể của nhiều loài được xác định chủ yếu bởi:

A. bơ chế NST xác định giới tính.

B. ảnh hưởng của các yếu tố môi trường trong.

C. ảnh hưởng của các yếu tố môi trường ngoài.

D. cả B và C.

6. Cho 2 thứ đậu thuần chủng là hạt trơn, không có tua cuốn và hạt nhăn, có tua cuốn giao phấn với nhau được F1 toàn hạt trơn, có tua cuốn. Cho F1 tiếp tục giao phấn với nhau được F2 có tỉ lệ: 1 hạt trơn, không có tua cuốn : 2 hạt trơn, có tua cuốn : 1 hạt nhăn, có tua cuốn. Kết quả phép lai được giải thích như thế nào?

A. Từng cặp tính trạng đều phân li theo tỉ lệ 3: 1.

B. Hai cặp tính trạng di truyền độc lập với nhau.

C. Sự tổ hợp lại các tính trạng ở P.

D. Hai cặp tính trạng di truyền liên kết.

7. Tính đặc thù của mỗi loại prôtêin do yếu tố nào quy định?

A. Trình tự sắp xếp các loại axit amin

B. Thành phần các loại axit amin

C. Số lượng axit amin

D. Cả A ,B và C

8. Nguyên tắc bổ sung được thể hiện trong cơ chế tự nhân đôi là

A. U liên kết với A, G liên kết với X

B. A liên kết với U, T liên kết với A, G liên kết với X, X liên kết với G.

C. A liên kết với T, G liên kết với X.

D. A liên kết X, G liên kết với T.

9. Chất mang và truyền đạt thông tin di truyền là

A. ADN.

B. Prôtêin.

C. ARN thông tin.

D. ARN ribôxôm.

10. Dạng đột biến không làm thay đổi số lượng nuclêôtit của gen là

A. mất một cặp nuclêôtit.

B. thay thế một cặp nuclêôtit.

C. thêm một cặp nuclêôtit.

D. cả A và C.

11. Những dạng đột biến cấu trúc NST làm thay đổi số lượng gen trên một NST là

A. mất đoạn và lặp đoạn.

B. lặp đoạn và đảo đoạn.

C. mất đoạn và đảo đoạn.

D. cả B và C.

II. Trắc nghiệm tự luận (6 điểm)

Câu 3. Nêu nội dung cơ bản của phương pháp phân tích các thế hệ lai của Mendel.

Câu 4. Đột biến gen là gì? Nêu một số dạng đột biến gen. Vì sao đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật?

Câu 5. Giải thích vì sao 2 ADN con được tạo qua cơ chế nhân đôi lại giống ADN mẹ?